

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ VLVH ĐỢT 3 NĂM 2017

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG SÓC TRĂNG

NGÀNH: LUẬT

Trang: 1

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	KV	ĐT	MÃ TỔ HỢP	ĐIỂM XÉT TUYỂN						XÉT ĐIỂM THPT QG	GHI CHÚ
								MÔN 1	MÔN 2	MÔN 3	TSD	ĐUT	TSDUT		
1	Lê Ngọc	Tôi		24/09/99	2NT		D01	6.25	4.80	4.60	15.75	1.00	16.75	X	
2	Ngô Thị Việt	Thơ	X	11/10/97	1		C00	5.50	6.90	7.30	19.75	1.50	21.25		
3	Huỳnh Ngô Thảo	My	X	03/07/98	1		C00	5.40	7.00	6.90	19.25	1.50	20.75		
4	Phạm Kim	Thương	X	13/11/99	1		D01	7.50	5.00	6.80	19.25	1.50	20.75	X	
5	Trà Thanh	Tiến		14/02/83	1	01	C00	6.00	6.40	6.90	19.25	3.50	22.75		
6	Trương Sở	Thoại		04/04/85	1	01	C00	6.40	6.60	5.60	18.50	3.50	22.00		
7	Trần Thanh	Trúc	X	17/10/99	1		C00	5.75	3.75	5.75	15.25	1.50	16.75	X	
8	Nguyễn Thanh	Tâm		19/05/99	1		D01	5.50	4.60	4.00	14.00	1.50	15.50	X	
9	Khuu Thị Kim	The	X	15/03/99	1		C00	6.60	7.80	7.80	22.25	1.50	23.75		
10	Đặng Nguyễn Ngọc	Trân	X	28/02/98	1		C00	7.70	8.60	7.80	24.00	1.50	25.50		
11	Nguyễn Thành	Nhân		29/08/87	1	03	C00	6.30	8.40	7.10	21.75	3.50	25.25		
12	Phạm Viết	Thuật		21/07/94	1	03	C00	5.50	7.60	5.90	19.00	3.50	22.50		
13	Lê Hòa	Nhẫn		28/08/95	1	03	C00	5.20	6.80	6.20	18.25	3.50	21.75		
14	Trần Thị Mỹ	Hạnh	X	02/06/98	1		D01	5.25	3.60	4.00	12.75	1.50	14.25	X	
15	Trần Dương Ngọc	Khánh	X	06/11/99	1		C00	6.00	8.60	9.00	23.50	1.50	25.00		
16	Tiêu Thanh	Hoàng		21/12/90	1	01	C00	7.40	7.40	8.00	22.75	3.50	26.25		
17	Lý Hoàng	Thị		27/03/94	1	01	C00	5.70	6.80	7.50	20.00	3.50	23.50		
18	Thạch Trí	Linh		07/02/95	1	01	C00	5.70	6.90	6.40	19.00	3.50	22.50		
19	Nguyễn Trang Tường	Vi	X	21/05/99	1		C00	7.10	6.60	7.10	20.75	1.50	22.25		
20	Lê Thị Phi	Yến	X	05/07/99	1		D01	7.50	4.20	3.80	15.50	1.50	17.00	X	
21	Trịnh Ngọc	Huy		01/10/99	1		C00	5.80	6.70	6.30	18.75	1.50	20.25		
22	Hồ Hoài	Duy		20/03/95	1		C00	4.90	7.20	5.50	17.50	1.50	19.00		
23	Võ Thị Phương	Dung	X	20/10/99	1		C00	5.10	7.60	7.50	20.25	1.50	21.75		
24	Lưu Hồng Bảo	Long		10/01/91	1	01	C00	5.00	6.90	6.80	18.75	3.50	22.25		

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	KV	ĐT	MÃ TỔ HỢP	ĐIỂM XÉT TUYỂN						XÉT ĐIỂM THPT QG	GHI CHÚ
								MÔN 1	MÔN 2	MÔN 3	TSD	ĐUT	TSDUT		
25	Nguyễn Hoàng	Nguyên		26/09/97	1	03	C00	5.50	5.70	6.60	17.75	3.50	21.25		
26	Đặng Trường	Khánh		15/10/98	1		C00	5.20	6.50	6.00	17.75	1.50	19.25		
27	Cam Trường	Long		09/09/92	1		C00	5.60	6.30	6.30	18.25	1.50	19.75		
28	Tô Tuyết	Phương	X	02/11/91	2		C00	5.50	7.00	6.10	18.50	0.50	19.00		
29	Phan Đỗ	Đạt		02/02/98	1		C00	7.70	9.00	9.60	26.25	1.50	27.75		
30	Nguyễn Hoàng Đức	Tâm		03/04/95	1		C00	5.40	8.00	7.30	20.75	1.50	22.25		
31	Lê Thị Thanh	Nhanh	X	03/07/99	1		C00	6.80	7.70	8.30	22.75	1.50	24.25		
32	Nguyễn Thái	Học		09/01/99	1		C00	5.90	7.00	6.50	19.50	1.50	21.00		
33	Huỳnh Nguyễn Cẩm	Nhung	X	17/09/96	3		C00	6.50	7.10	6.90	20.50	0.00	20.50		
34	Nguyễn Diễm	Mi	X	04/01/94	1		C00	5.20	6.40	6.10	17.75	1.50	19.25		
35	Phạm Văn	Cường		11/10/88	1		C00	4.90	7.90	5.00	17.75	1.50	19.25		
36	Danh Cao Văn	Lầu		15/03/98	1	01	C00	6.00	7.70	9.00	22.75	3.50	26.25		
37	Quách ái	Kiều	X	20/09/94	1	01	C00	6.80	7.70	8.60	23.00	3.50	26.50		

Tổng cộng: 37 thí sinh

Ghi chú:

- A00: Môn 1: Toán, Môn 2: Lý, Môn 3: Hóa
- B00: Môn 1: Toán, Môn 2: Hóa, Môn 3: Sinh

- A01: Môn 1: Toán, Môn 2: Lý, Môn 3: Tiếng Anh
- C00: Môn 1: Văn, Môn 2: Sử, Môn 3: Địa

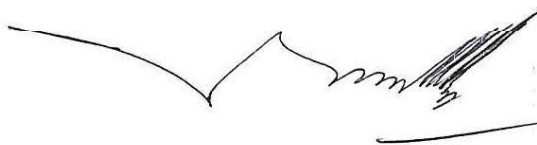
- D01: Môn 1: Văn, Môn 2: Toán, Môn 3: Tiếng Anh

LẬP BẢNG

ỦY VIÊN HĐTS

CHỦ TỊCH HĐTS


Nguyễn Văn Chiến



Trịnh Trung Hưng



Hà Thanh Toàn